

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ BA CỦA VIỆT NAM

1. Quá trình chuẩn bị cải cách giáo dục lần thứ ba

Đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Đảng ta chủ trương chuẩn bị cho cuộc cải cách giáo dục mới. Cuộc cải cách giáo dục lần này nhằm làm cho toàn bộ nền giáo dục của ta có những chuyển biến sâu sắc, triệt để, toàn diện, theo phương hướng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, phát huy hơn nữa vai trò tích cực của nó trong việc đào tạo con người mới - con người xã hội chủ nghĩa, trong việc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật ở miền Bắc, trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Nhiệm vụ trung tâm của giáo dục là nâng cao chất lượng đào tạo con người lao động kiểu mới phù hợp với thực tiễn Việt Nam theo phương hướng quán triệt hơn nữa những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng về giáo dục, làm cho nhà trường gắn liền hơn nữa với đời sống, học tập kết hợp với lao động sản xuất, học đi đôi với hành, lý luận kết hợp với thực tiễn, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức, nâng cao trình độ văn hóa cơ bản, kết hợp với giáo dục lao động và kỹ thuật, đẩy mạnh giáo dục toàn diện. Con người lao động kiểu mới ấy cần được tiêu chuẩn hóa cho phù hợp với điều kiện và khả năng của Việt Nam. Cùng với phương hướng chủ yếu của giáo dục nói trên, cần phải làm cho số người đi học, số cán bộ đào tạo ngày càng nhiều, theo phương hướng đúng đắn nâng cao chất lượng con người mới, bảo đảm cân đối giữa yêu cầu phát triển giáo dục với khả năng kinh tế và khả năng của ngành giáo dục, vận dụng sáng tạo nhiều hình thức học tập và giảng dạy, đặc biệt là hình thức vừa học, vừa làm, giải quyết từng bước, có mức độ, có trọng tâm vấn đề phổ cập giáo dục.

Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, sau nhiều lần góp ý và sửa chữa, đề án cải cách giáo dục đã hoàn thành nhưng phải hoãn thực hiện về tình hình trong nước và quốc tế, trong đó đáng chú ý là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở giai đoạn quyết liệt nhất nhưng cũng hé mở những khả năng giành thắng lợi trong tương lai gần.

Sau khi hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chủ trương khẩn trương chuẩn bị cải cách giáo dục. Để tập trung lực lượng tiến hành cải cách giáo dục, Bộ Giáo dục đã có quyết định độc đáo là điều động nhiều nhà khoa học, nhà giáo dục xuất sắc ở các

trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục khác về công tác tại Viện Khoa học giáo dục. Cùng với những thành tựu nghiên cứu giáo dục những năm trước đó, bối cảnh mới của đất nước cho phép đẩy mạnh tổng kết kinh nghiệm của hơn 20 năm tiến hành giáo dục cách mạng ở miền Bắc và một số vùng giải phóng, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục.

Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã vạch ra con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội khi đất nước đã độc lập và thống nhất. Đại hội đã xác định: “Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hóa của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc, nó đặt những cơ sở ban đầu rất quan trọng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đại hội cũng khẳng định những thành tựu đã đạt được về giáo dục. Tuy nhiên: “Đối chiếu với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, công tác giáo dục còn *nhều nhược điểm và thiếu sót*. Giáo dục phát triển nhanh về số lượng, nhưng còn yếu về chất lượng toàn diện... Trên nhiều mặt, sự nghiệp giáo dục của ta chưa theo kịp sự phát triển của xã hội và của khoa học - kỹ thuật, chưa đáp ứng tốt những yêu cầu mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”. Để tiếp tục phát triển giáo dục, Đại hội IV quyết định phải “tiến hành một cuộc cải cách giáo dục rộng lớn trong cả nước, làm cho giáo dục quốc dân gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa”.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, tháng 1-1979, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết 14 về cải cách giáo dục.

2. Mục tiêu cuộc cải cách giáo dục

Mục tiêu cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba là:

Thứ nhất, làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ ngay từ tuổi thơ ấu cho đến lúc trưởng thành, nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt Nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hết lòng lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Việc chăm sóc và giáo dục trẻ em từ tuổi sơ sinh cho đến 6 tuổi có tác dụng cực kỳ quan trọng trong sự hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Cần có kế hoạch dài hạn và biện pháp tích cực động viên và tổ chức toàn xã hội gánh vác sự nghiệp chăm sóc và giáo dục thế hệ mầm non của dân tộc, phát triển rộng

khắp mạng lưới nhà trẻ và lớp mẫu giáo từ thành thị đến nông thôn, xây dựng mạng lưới đó thành một bộ phận khăng khít của hệ thống giáo dục quốc dân. Cần phấn đấu cho thế hệ trẻ từ 6 tuổi đến tuổi trưởng thành được học đầy đủ đến bậc phổ thông trung học và được chuẩn bị tốt để đi vào nghề nghiệp. Giáo dục thế hệ trẻ lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, ý thức làm chủ tập thể, tinh thần đoàn kết, thân ái, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, ý thức tổ chức và kỷ luật, quý trọng và bảo vệ của công, đức tính thật thà, dũng cảm, khiêm tốn, vv.. Bồi dưỡng cho thế hệ trẻ có kiến thức cơ bản về văn hóa, phát triển tư duy khoa học và phát huy năng khiếu, có óc thẩm mỹ, có thói quen giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể. Phấn đấu thực hiện chế độ cả xã hội chăm sóc, nuôi dạy trẻ em, làm cho mọi trẻ em đều được học tập một cách bình đẳng, không tùy thuộc vào hoàn cảnh riêng về gia đình, dân tộc và địa phương.

Thứ hai, thực hiện phổ cập giáo dục trong toàn dân, góp phần xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành ba cuộc cách mạng. Phấn đấu cho công nhân, nông dân và mọi người lao động ở tất cả các địa phương, thuộc tất cả các dân tộc, được hưởng đầy đủ quyền học tập, từng bước đạt trình độ văn hóa phổ thông trung học, để không ngừng nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể, đủ sức tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Coi trọng việc phát triển giáo dục trong các vùng dân tộc thiểu số nhằm xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc, phát huy tinh hoa văn hóa của từng dân tộc để làm phong phú thêm nền văn hóa chung của Việt Nam.

Thứ ba, đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ khoa học, kỹ thuật và quản lý phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp phải phát triển theo quy mô lớn, nhằm tạo ra một đội ngũ đông đảo công nhân, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ, đồng bộ về ngành nghề, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ tay nghề thành thạo, biết lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất cao, có tác phong đại công nghiệp và có sức khỏe thích hợp với ngành nghề; đồng thời, tạo ra một đội ngũ đông đảo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ, với cơ cấu đồng bộ và cân đối về ngành nghề, trình độ và loại hình, phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa của

đất nước, những cán bộ vừa có phẩm chất chính trị tốt, vừa có năng lực chuyên môn giỏi, để từng bước giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật và quản lý do thực tiễn nước ta đề ra.

3. Những nguyên lý của cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba

Nguyên lý của cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba là: học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Nguyên lý giáo dục này xuất phát từ những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Đảng ta về con người mới. Con người mới vừa là chủ thể có ý thức, vừa là sản phẩm của xã hội mới Việt Nam. Phải bằng kết quả tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể và ba cuộc cách mạng, phải thông qua hoạt động xã hội thực tiễn, thông qua lao động và đấu tranh trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, thì mới hình thành được con người mới làm chủ tập thể và phát triển toàn diện. Trong công tác giáo dục của nhà trường, một mặt phải tổ chức cho học sinh chủ động tiếp thu có hệ thống những giá trị văn hóa cơ bản của loài người và của dân tộc, mặt khác, phải tổ chức cho học sinh chủ động tham gia hoạt động thực tiễn trong xã hội theo mức độ thích hợp với lứa tuổi, qua đó làm cho thế hệ trẻ từng bước trưởng thành. Không nắm được những giá trị văn hóa cơ bản của dân tộc và của loài người thì không thể tham gia có ý thức và có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn của xã hội.

- Học đi đôi với hành phải nhằm mục đích xây dựng toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh, phát triển tư duy khoa học và tình cảm cách mạng, tăng cường ý thức và năng lực vận dụng thông minh những điều đã học để giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, biến kiến thức thành niềm tin có tác dụng chỉ đạo hành động.

- Lao động sản xuất là hoạt động thực tiễn chủ yếu của con người trong xã hội mới, cho nên sự kết hợp giáo dục với lao động sản xuất là nội dung cơ bản của sự kết hợp học đi đôi với hành trong nhà trường xã hội chủ nghĩa.

Sự kết hợp này nhằm mục đích:

+ Gắn lý thuyết với thực tiễn, vận dụng kiến thức khoa học vào sản xuất và xây dựng, phát triển tư duy khoa học và tư duy kỹ thuật;

+ Bồi dưỡng ý thức và thói quen lao động mới, phát triển hứng thú lao động vì lợi ích chung, xây dựng tình cảm cách mạng đối với nhân dân lao động;

+ Thực hiện sự hài hòa, có tính khoa học giữa lao động chân tay và lao động trí óc, bảo đảm phát triển nhịp nhàng tâm trí và thể lực của học sinh. Trong nhà trường phổ thông, lao động sản xuất phải có tính chất kỹ thuật tổng hợp, nghĩa là gắn khoa học và kỹ thuật với sản xuất, dạy cho học sinh những kiến thức phổ thông về sản xuất hiện đại và thực tiễn sản xuất ở nước ta, làm cho học sinh nắm được những kỹ năng lao động phổ thông và làm quen với công cụ và máy móc, có ý thức trách nhiệm và thói quen đối với lao động, chuẩn bị tốt cho học sinh đi vào đào tạo nghề nghiệp.

- Nhà trường gắn liền với xã hội là điều kiện, đồng thời là kết quả của việc kết hợp học với hành, có tác dụng to lớn trong việc hình thành vững chắc nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh. Cần tổ chức cho học sinh, giáo viên và cán bộ giảng dạy tham gia các hoạt động xã hội với mức độ thích hợp, động viên nhà trường tích cực góp phần xây dựng xã hội mới, phát huy lực lượng lao động và tiềm lực khoa học rất lớn của mình vào ba cuộc cách mạng, vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, thông qua đó mà rèn luyện học sinh, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ giảng dạy về ý thức và năng lực làm chủ tập thể. Các đoàn thể quần chúng, các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội, các cơ sở sản xuất và nghiên cứu khoa học cần hợp tác chặt chẽ với nhà trường, chủ động tham gia sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, đào tạo cán bộ và công nhân, cụ thể là: chăm lo việc học tập và lao động của học sinh, giúp đỡ giáo viên và cán bộ giảng dạy, góp sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của nhà trường, tạo ra môi trường thuận lợi cho việc đào tạo con người mới.

4. Định hướng về nội dung chủ yếu của cải cách giáo dục trong Nghị quyết 14 của Đảng

a) Về cơ cấu của hệ thống giáo dục

Hệ thống giáo dục mới phải phù hợp với việc bố trí và tổ chức lại lao động xã hội, xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại, hệ thống đó phải bao gồm các loại hình trường, lớp gắn bó với nhau một cách hợp lý và linh hoạt, tạo cho mọi người, từ bé đến lớn, ở độ tuổi đi học cũng như đang làm việc, có cơ hội thích hợp để không ngừng nâng cao hiểu biết của mình.

- Phát triển nhanh chóng và có chất lượng các nhà trẻ và lớp mẫu giáo, sớm thống nhất mạng lưới các nhà trẻ và lớp mẫu giáo thành hệ thống giáo dục mầm

non, tiến tới thu hút tất cả trẻ em từ 2 tháng đến 6 tuổi, chuẩn bị tốt cho các cháu vào học các trường phổ thông.

- Xây dựng mới và mở rộng hệ thống trường phổ thông, nhằm thực hiện việc giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ từ 6 tuổi đến tuổi trưởng thành, chuẩn bị tốt cho thanh niên đi vào đào tạo nghề nghiệp, từ công nhân đến đại học. Trước mắt, hoàn thành việc phổ cập bậc phổ thông cơ sở, đồng thời từng bước thực hiện việc phổ cập bậc phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Gắn liền hệ thống giáo dục phổ thông với hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, nhằm làm cho hệ thống giáo dục phổ thông thực hiện tốt chức năng chuẩn bị cho học sinh đi vào giáo dục chuyên nghiệp và đại học, làm cho hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học phát huy đầy đủ thành quả của giáo dục phổ thông. Trong hệ thống giáo dục phổ thông, cần mở những trường, lớp phổ thông cho những học sinh có năng khiếu đặc biệt và những trường, lớp phổ thông dành riêng cho các trẻ em có tật (mù, điếc, câm, chậm phát triển, vv.).

- Trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, cần mau chóng xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới các trường dạy nghề, bao gồm cả những trường, lớp dạy nghề cạnh xí nghiệp, để đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hiện đại hóa nước nhà. Đồng thời, tích cực mở rộng và hoàn chỉnh mạng lưới các trường đại học và cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp, ở trung ương và ở các địa phương theo yêu cầu phát triển của đất nước về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng. Gắn chặt các trường chuyên nghiệp và đại học với các Cơ sở sản xuất và cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Cần xác định mô hình hợp lý về mạng lưới trường lớp ở trung ương và ở địa phương, trên địa bàn tỉnh, địa bàn huyện và đến tận cơ sở, phù hợp với cơ cấu kinh tế, bố trí lao động và phân bố dân cư của từng địa phương và trong cả nước.

b) Về nội dung giáo dục

Nội dung giáo dục cải cách là nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo ra những lớp người lao động mới làm chủ tập thể, đủ sức gánh vác sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Cần tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng. Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đường lối và chính sách của Đảng, những

truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đạo đức mới của người lao động làm chủ tập thể. Đi đôi với việc bồi dưỡng lý luận cách mạng, xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, cần bồi dưỡng cho thế hệ trẻ tình cảm cách mạng và nếp sống văn minh trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, người với người, cá nhân với tập thể, công dân với Tổ quốc, v... Công tác giáo dục chính trị và tư tưởng của nhà trường xã hội chủ nghĩa phải tiến hành thông qua tất cả các hoạt động giáo dục, gắn học tập lý luận với hành động thực tiễn; coi trọng hơn nữa vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc giáo dục tư tưởng và tình cảm cách mạng.

Cần hiện đại hóa một cách vững chắc chương trình học tập văn hóa, khoa học và kỹ thuật. Chọn lọc có hệ thống những kiến thức cơ bản, hiện đại, những kiến thức sát với thực tế Việt Nam, làm cho vốn văn hóa, khoa học và kỹ thuật giảng dạy ở nhà trường có tác dụng thật sự trong việc hình thành thế giới quan khoa học, phát triển tư duy khoa học, phát triển năng lực hành động của học sinh. Đưa những kiến thức phổ thông về kỹ thuật và kinh tế vào trường phổ thông; mở rộng kiến thức quản lý trong chương trình học của các trường chuyên nghiệp và đại học. Thông qua lao động sản xuất, nghiên cứu và thực nghiệm khoa học và những hoạt động xã hội khác, bồi dưỡng cho học sinh kỹ năng lao động, năng lực thực hành, tính nhạy bén trong việc vận dụng kiến thức vào thực tế sản xuất và xây dựng của đất nước.

Tăng cường giáo dục thẩm mỹ cho học sinh thông qua văn học, nghệ thuật và các môn học khác, xây dựng quan điểm thẩm mỹ của chủ nghĩa Mác - Lênin, phê phán những quan điểm thẩm mỹ không vô sản, bồi dưỡng năng lực thưởng thức và sáng tạo văn học nghệ thuật, tạo ra thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, trong sáng và phong phú. Chăm lo xây dựng thói quen giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể của học sinh, đẩy mạnh các loại hoạt động thể dục thể thao, nâng cao chất lượng luyện tập quân sự, chuẩn bị tốt cho học sinh về ý thức và năng lực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng.

c) Về phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục, cải cách là nhằm thực hiện tốt việc kết hợp hữu cơ quá trình giáo dục con người với quá trình cải tạo xã hội và cải tạo thiên nhiên, phát huy ý thức làm chủ tập thể, tính tự giác và chủ động, trí thông minh và sáng tạo, tình cảm trong sáng, thói quen lành mạnh của học sinh trong học tập và rèn

luyện. Tiến hành một cách nhất quán, kiên trì và sáng tạo trong các trường phổ thông phương pháp học tập kết hợp với lao động sản xuất, thực nghiệm khoa học, hoạt động xã hội và sinh hoạt đoàn thể.

Trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, cần thực hiện tốt phương pháp giảng dạy, học tập kết hợp với lao động sản xuất theo ngành nghề, với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học. Trong các trường dạy nghề, cần coi trọng phương pháp kết hợp thực tập tay nghề với sản xuất ra của cải vật chất. Để cho những phương pháp giáo dục đó đạt hiệu quả cao, cần xây dựng sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, các đoàn thể và xã hội, xác định trách nhiệm và phát huy vai trò của các ngành, các cơ sở sản xuất và nghiên cứu khoa học đối với sự nghiệp giáo dục, đồng thời sử dụng rộng rãi những phương tiện giảng dạy và thông tin hiện đại.

5. Thực hiện sự thống nhất về hệ thống giáo dục

Trong thời gian từ năm học 1975 - 1976 đến năm học 1980 - 1981, hệ thống giáo dục phổ thông nước ta chưa thực hiện được sự thống nhất.

- Tại các tỉnh phía Bắc, giáo dục phổ thông có 11 năm học: Vỡ lòng và cấp I với bốn năm học từ lớp 1 đến lớp 4 thu nhận trẻ từ 6 tuổi; cấp II với ba năm học từ lớp 1 đến lớp 7; cấp III với ba năm học từ lớp 8 đến lớp 10;

- Ở các tỉnh phía Nam, giáo dục phổ thông có 12 năm học: cấp I (bao gồm cả vỡ lòng) có năm năm học từ lớp 1 đến lớp 5 thu nhận trẻ từ 6 tuổi; cấp II với bốn năm học từ lớp 6 đến lớp 9, cấp III với ba năm học từ lớp 10 đến lớp 12.

Cải cách giáo dục lần thứ ba xác lập hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam theo lược đồ tổng thể sau:

- Nhà trẻ và mẫu giáo từ 0 - 5 tuổi.

Nhà trẻ thu nhận các em từ 2 tháng tuổi đến 2 tuổi có các loại hình: một buổi, hai buổi và bán trú. Mẫu giáo chia làm ba nhóm tuổi: bé, nhỡ và lớn thu nhận các tuổi 3, 4, 5.

- Trường phổ thông cho thanh thiếu niên từ 6 tuổi đến 18 tuổi, gồm trường phổ thông Cơ sở và phổ thông trung học, có các loại hình:

+ Trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học bình thường

+ Trường phổ thông trung học vừa học vừa làm;

+ Các trường lớp chuyên: văn, toán, ngoại ngữ, vật lý, kỹ thuật nhằm bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu;

+ Trường phổ thông cơ sở dành cho trẻ em khuyết tật;

+ Các trường phổ thông cơ sở nội trú cho trẻ em và thanh niên các dân tộc thiểu số;

+ Các trường bổ túc văn hóa phổ thông.

- Trường dạy nghề do trung ương hoặc địa phương quản lý, với thời hạn học từ 1 đến 3 năm thu nhận học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở hoặc phổ thông trung học.

+ Trường trung cấp chuyên nghiệp có hai loại hình:

+ Loại học 3-4 năm: thu nhận học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở đã tham gia sản xuất và công tác từ hai năm trở lên. trung học.

Loại học 1-2 năm: thu nhận học sinh tốt nghiệp phổ thông

- Trường cao đẳng với thời hạn học 3 năm, phần lớn là các trường đào tạo giáo viên phổ thông Cơ sở và kỹ sư thực hành.

- Trường đại học với thời hạn học là 4 năm (nông nghiệp, sư phạm, các khoa học cơ bản), 5 năm (bách khoa, giao thông, mỏ địa chất, cơ điện, sư phạm ngoại ngữ), 6 năm y khoa.

6. Nhận xét về kết quả thực hiện

a) Những mặt đã đạt được

Một là, thành tựu nổi bật của cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba của nước ta (bắt đầu từ năm 1981) là thống nhất hai hệ thống giáo dục với sự xác lập quan điểm giáo dục xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Như vậy, sau khi thống nhất đất nước, cùng với công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, đối với giáo dục, bằng cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba, chúng ta cũng xóa bỏ được những ảnh hưởng của nền giáo dục của chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới trong nhiều thập kỷ, đưa nền giáo dục phát triển theo định hướng tốt.

Chương trình và sách giáo khoa đã quán triệt nguyên lý giáo dục xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần các nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng theo đường lối cách mạng của đất nước thống nhất. Bộ máy quản lý giáo dục, mạng lưới các nhà trường và cơ sở giáo dục được thống nhất từ trung ương đến địa phương.

- Xây dựng được một bộ chương trình và bộ sách giáo khoa mới các môn học từ lớp 1 đến lớp 12, đóng góp quan trọng vào việc thống nhất hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm trong cả nước.

Bộ chương trình, sách giáo khoa mới có các ưu điểm chính:

Đã quán triệt đường lối chính trị của Đảng, có quan điểm kế thừa và phát triển kinh nghiệm trong và ngoài nước; đặt ra mục tiêu giáo dục toàn diện; tập trung vào các kiến thức, kỹ năng cơ bản; đáp ứng yêu cầu học tập của số đông học sinh, đồng thời bồi dưỡng học sinh giỏi.

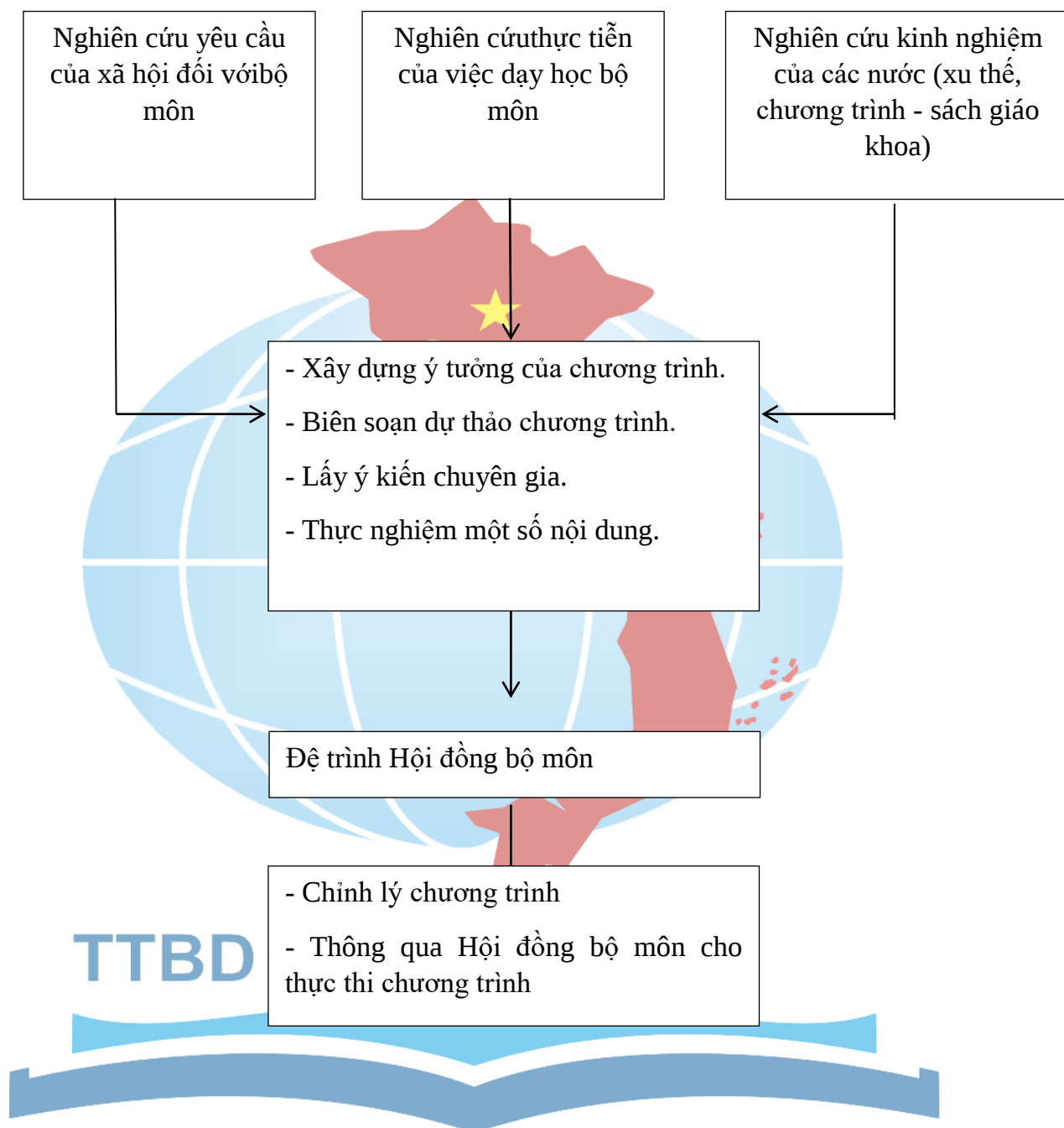
Bộ chương trình - sách giáo khoa trong cuộc cải cách giáo dục lần này đã quán triệt đường lối chính trị của Đảng, bảo đảm nguyên tắc: *cơ bản, hiện đại, thiết thực, gắn với thực tiễn Việt Nam*; thực hiện giáo dục toàn diện (đức, trí, thể, mỹ). Ngoại ngữ bắt đầu trở thành môn học có ý nghĩa quan trọng trong các cấp bậc học.

Đồng thời, chương trình đã đưa nội dung giáo dục dân số và gia đình, giáo dục môi trường, hướng nghiệp vào dạy trong các nhà trường.

Chương trình giáo dục lần này còn nhấn mạnh nội dung giáo dục phổ thông, lao động kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Chương trình đã bổ sung những tri thức cần thiết, nhằm bảo đảm yêu cầu hệ thống và tương đối hoàn chỉnh của học vấn phổ thông (Ví dụ, môn lịch sử ở cấp II đã có thêm phần lịch sử thế giới cận đại mà trước đây không có. Môn văn học bổ sung thêm văn học cổ điển, văn học trước năm 1945 và văn học thế giới. Môn địa lý tăng thêm kiến thức về địa lý đại cương, địa lý tự nhiên và kinh tế Việt Nam. Môn sinh học ở lớp 9 đã đưa vào nội dung di truyền và chọn giống, vv.). Cấu trúc chương trình có hệ thống, bảo đảm sự liên tục giữa các cấp học. Chương trình các bộ môn cũng đã mạnh dạn lược bỏ những kiến thức chưa thực sự cần thiết, tập trung vào những vấn đề cơ bản, thiết thực, quan trọng.

Quy trình xây dựng chương trình tương đối hợp lý. Trên cơ sở kế thừa và phát triển kinh nghiệm truyền thống trong nước, chúng ta đã tiếp thu lý luận về chương trình của Liên Xô, Cộng hòa Dân chủ Đức, nên việc xây dựng chương trình đã chấm dứt thời kỳ mò mẫm, hoặc sao chép máy móc chương trình của nước ngoài, đồng thời đã định hình được một quy trình xây dựng chương trình khá hợp lý. Có thể sơ đồ hóa quy trình đó như sau:

Sơ đồ 1: Quy trình xây dựng chương trình - sách giáo khoa



Chính vì vậy, chương trình giáo dục phổ thông lần này đã khắc phục được tính chắp vá của các chương trình giáo dục trước đó và đã bảo đảm được tính hoàn chỉnh, hệ thống về mặt kiến thức. (Ví dụ, chương trình môn lịch sử đã thể hiện khá rõ điều này. Trước đây, chương trình ở cấp trung học Cơ sở chỉ có 13 tiết lịch sử thế giới hiện đại, nhưng chương trình cải cách giáo dục đã đưa thêm 24 tiết lịch sử thế giới cận đại và 21 tiết lịch sử thế giới hiện đại. Ngoài ra, ở lớp

8, chương trình còn cho học sinh học 3 tiết về những nét chính lịch sử thế giới thời cộng sản nguyên thủy đến cách mạng tư sản Hà Lan. Ở bậc phổ thông trung học đã cho học sinh học tương đối có hệ thống phần lịch sử cổ trung đại thế giới. Phần lịch sử cận và hiện đại thế giới và Việt Nam tuy cấu tạo đồng tâm với cấp II, song được nâng lên về mặt lý thuyết).

Hai là, phát triển và duy trì một quy mô giáo dục khá lớn so với năng lực của nền kinh tế

Từ năm học 1975 - 1976 đến năm học 1985 - 1986 là thời kỳ mà đất nước vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhưng lại phải bước vào cuộc chiến tranh gian khổ bảo vệ biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam. Mỹ và nhiều nước phương Tây thực hiện sự cấm vận, nền kinh tế gặp khủng hoảng và các biến động của giá, lương, tiền. Thế nhưng giáo dục nước ta vẫn cố gắng bảo đảm cho các ngành học được phát triển theo một trạng thái hài hòa đạt quy mô số người đi học từ 1/4 đến 1/3 dân số. Điều này có thể coi là một kỳ tích trong hoàn cảnh lúc đó.

Năm 1979 theo tổng điều tra dân số, dân số Việt Nam đạt 53 triệu người và số người được thu hút vào hệ thống giáo dục quốc dân năm học 1979 - 1980 đã đạt trên 1/4 dân số.

- Giáo dục mầm non là 2.827.315 cháu (Trong đó: nhà trẻ là 1.246.000, mẫu giáo là 1.580.842).

- Giáo dục phổ thông là 11.578.745 học sinh (cấp I là 7.923.000, cấp II là 3.017.029, cấp III là 638.221).

- Giáo dục dạy nghề là 122.000 học sinh.

- Giáo dục trung học chuyên nghiệp là 147.740 học sinh.

- Giáo dục cao đẳng, đại học là 152.327 học sinh.

- Tổng số người đi học là 14.828.127 người (chưa kể số đi học bổ túc văn hóa, tại chức).

Như vậy đã có gần 15 triệu người đi học trên 53 triệu dân (28%).

Ba là, hình thành và phát triển một mạng lưới nhà trường và các cơ quan giáo dục quốc dân tích cực phục vụ cho việc ổn định chính trị, an ninh quốc gia.

Trong năm học 1979 - 1980, giáo dục đã xây dựng được một mạng lưới nhà trường, các ngành học bao quát mọi miền của đất nước từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo. Bất cứ phường xã nào cũng có trường mầm non, trường phổ thông.

Tính ra lúc đó có 5.227 trường mẫu giáo hoặc mầm non; 11.197 trường phổ thông bao gồm: (cấp I có: 1.915 trường, cấp II có: 1.258 trường; cấp I - II có: 7.249 trường; cấp III có: 775 trường); 366 trường dạy nghề; 291 trường trung học công nghiệp; 79 trường đại học, cao đẳng hoặc phân ban. Như vậy, trên toàn quốc có 11.000 phường, xã, thị trấn mà tổng số trường học là 17.160 trường. Tính ra mỗi cơ sở có hơn một nhà trường.

Cần khẳng định rằng với mạng lưới các nhà trường của hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ quan quản lý hệ thống giáo dục quốc dân nói trên đã minh chứng cho sự phát triển của giáo dục sau 10 năm thực hiện cải cách. Đây chính là cơ sở ban đầu thuận lợi để sau này thực hiện được phổ cập giáo dục tiểu học trên cả nước do cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba mang lại.

Mặc dù kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhưng ý thức chăm lo cho các tài năng trẻ bằng việc tổ chức hệ thống các trường chuyên giáo dục phổ thông đã được các tỉnh, thành phố quan tâm, đóng góp vào việc đào tạo ra nhiều học sinh giỏi, đạt các giải thưởng cao trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế.

b) Một số hạn chế

- Nội dung chương trình - sách giáo khoa còn thiên về lý thuyết, ít các kiến thức ứng dụng và hoạt động thực hành, ít gắn bó với thực tiễn. Khối lượng và mức độ nội dung ở một số phần của một số môn học còn nặng và cao; có sự trùng lặp giữa một số phân môn và giữa một số môn học.

- Vấn đề tích hợp, liên môn trong chương trình vẫn chưa thực hiện được, nên không tránh được sự trùng lặp về kiến thức giữa các bộ môn.

- Nhiều thành tựu lớn và mới của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, của công nghệ chưa được giới thiệu hoặc phản ánh một cách thích hợp vào các môn học. Trong chương trình không có những môn/giờ học tự chọn; không có những khoảng không gian linh hoạt dành cho các địa phương để vận dụng một cách linh động phù hợp với tình hình thực tế.

- Đặc biệt, chương trình - sách giáo khoa được biên soạn theo phương pháp truyền thụ một chiều, nên đã tạo nên lối học thụ động, không thích hợp với cách dạy học tích cực để phát triển năng lực sáng tạo, năng lực tự học của học sinh.

- Quy mô phát triển giáo dục chưa đồng bộ với sự phát triển kinh tế.

Tình trạng học sinh học xong trung học cơ sở (9 năm) ít có điều kiện được học lên trung học, học sinh phổ thông trung học học xong cấp III (11 năm hoặc 12 năm) ít có cơ hội vào đại học hoặc đi vào lao động mà không có việc làm ổn định; học xong các trường chuyên nghiệp nhưng vì kinh tế khó khăn nên ra trường không có công ăn việc làm đã để lại nhiều hệ lụy tiêu cực cho việc sử dụng lao động của đất nước.

Việc hợp nhất cấp I, cấp II thành trường phổ thông cơ sở trong khi cung ứng kinh tế không đầy đủ và năng lực quản lý nhà trường còn hạn chế đã khiến cho giáo dục cấp I phát triển không ổn định.

- Chưa thoát khỏi việc duy ý chí chủ quan nóng vội, nên đã “rập khuôn” chương trình, tạo ra sự quá tải với hoàn cảnh của người đi học. Bệnh hình thức và thành tích vẫn còn hiện hữu đã góp phần làm cho chất lượng, hiệu quả giáo dục còn tương đối thấp. Trong công tác quản lý, đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết về giáo dục nhằm tăng cường giáo dục đạo đức trong nhà trường, thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, tăng cường việc sử dụng học sinh tốt nghiệp ra trường, lập Hội đồng giáo dục các cấp..., nhưng các chỉ thị, nghị quyết này khi đi vào cuộc sống, vào các cơ sở giáo dục còn nhiều bất cập, tính khả thi chưa cao.

- Giáo dục tuy được xác định là nhân tố quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng đầu tư cho giáo dục vốn quá thấp, nên mặt bằng đồng lương của đại đa số giáo viên tương đối thấp so với mặt bằng lương của cán bộ nói chung, cơ sở vật chất sư phạm của các nhà trường xuống cấp nghiêm trọng, ít được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp. Lóp học thiếu nên tình trạng ở nhiều trường học phải học ba ca. Đời sống của giáo viên thấp, nhiều người phải làm nghề phụ để tăng thêm thu nhập. Điều đó dẫn đến động lực dạy học của giáo viên giảm sút. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo sau năm 2015.